

Số: 31 /QĐ-SLĐTBXH

Thái Bình, ngày 26 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc công nhận danh hiệu thi đua năm 2019

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Hướng dẫn số 2007/HD-SNV ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Sở Nội vụ về việc tổng kết phong trào thi đua và công tác khen thưởng năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở ngày 18 tháng 12 năm 2019;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho 464 cá nhân; danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở cho 67 cá nhân; danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến cho 15 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019

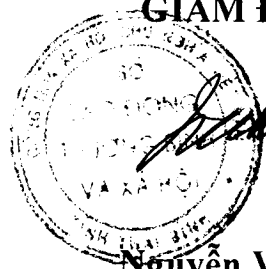
*(có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Đ*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, HĐTĐKT Sở.

**GIÁM ĐỐC**  
  
Nguyễn Văn Bái

## DANH SÁCH

**Tập thể và cá nhân được Giám đốc Sở Lao động -TBXH**

**công nhận danh hiệu thi đua năm 2019**

(Kèm theo Quyết định số 781/QĐ-SLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2019)

### **I. Các cá nhân được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Đ/c Nguyễn Văn Bái, Giám đốc Sở;
2. Đ/c Phạm Quang Hòa, Phó Giám đốc Sở;
3. Đ/c Phí Ngọc Thành, Phó Giám đốc Sở;
4. Đ/c Bùi Văn Huân, Phó Giám đốc Sở;
5. Đ/c Nguyễn Chiến Thắng, Chánh Văn phòng Sở;
6. Đ/ Vũ Ngọc Khánh, Phó Chánh Văn phòng Sở;
7. Đ/c Bùi Thị Trâm, Chuyên viên Văn phòng;
8. Đ/c Phạm Thị Huyền Trang, CB Văn phòng;
9. Đ/c Phạm Minh Tuấn, CV Văn phòng;
10. Đ/c Tô Thị Đậu, CV Văn phòng;
11. Đ/c Phạm Tấn Đạt, CB Văn phòng;
12. Đ/c Hồ Trọng Hùng, CV Văn phòng;
13. Đ/c Phạm Thúy Phương, CV Văn phòng;
14. Đ/c Đào Văn Bằng, CB Văn phòng;
15. Đ/c Phạm Văn Long, CB Văn phòng;
16. Đ/c Đỗ Quang Hạnh, CB Văn phòng;
17. Đ/c Trương Đức Thắng, CB Văn phòng;
18. Đ/c Nguyễn Trang Nhung, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính;
19. Đ/c Nguyễn Thái Sơn, CV phòng Kế hoạch-Tài chính;
20. Đ/c Trần Thị Thêu, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính;
21. Đ/c Nguyễn Thị Phương Anh, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính;
22. Đ/c Phạm Thị Thanh Huệ, Chuyên viên P. Kế hoạch - Tài chính;
23. Đ/c Nguyễn Thị Hân, Chuyên viên P. Kế hoạch - Tài chính;
24. Đ/c Nguyễn Thị Huyền, CB P. Kế hoạch - Tài chính;
25. Đ/c Trần Hữu Thông, Chánh Thanh tra Sở;
26. Đ/c Vũ Xuân Tố, Phó Chánh Thanh tra Sở;
27. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Thủy, Phó Chánh Thanh tra Sở;
28. Đ/c Vũ Thị Lam, Cán bộ Thanh tra Sở;
29. Đ/c Phạm Thị Quốc Bình, Cán bộ Thanh tra Sở;
30. Đ/c Đặng Ngọc Hạnh, Trưởng phòng Người có công;
31. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Mai, Phó Trưởng phòng Người có công;

32. Đ/c Bùi Văn Quyết, Phó Trưởng phòng Người có công;
33. Đ/c Nguyễn Thị Nụ, Chuyên viên phòng Người có công;
34. Đ/c Vũ Thị Phương Anh, CV P. Người có công;
35. Đ/c Trần Xuân Lăng, CB P. Người có công;
36. Đ/c Phạm Thị Dậu, CV P. Người có công;
37. Đ/c Nghiêm Thị Hương, CV P. Người có công;
38. Đ/c Vũ Thị Mai, Chuyên viên P. Người có công
39. Đ/c Đỗ Thị Tuyết, CV P. Người có công
40. Đ/c Bùi Thị Yến, CV P. Người có công
41. Đ/c Hoàng Thị Lan Hương, CV P. Người có công
42. Đ/c Dương Minh Châu, CV P. Người có công
43. Đ/c Lê Thị Hoài, CV P. Người có công
44. Đ/c Hà Thị Hương, CV P. Người có công
45. Đ/c Phí Thị Phượng, CV P. Người có công
46. Đ/c Bùi Thị Sao, CV P. Người có công
47. Đ/c Vũ Thị Lan, CV P. Người có công
48. Đ/c Phạm Hồng Giang, Trưởng phòng Dạy nghề;
49. Đ/c Nguyễn Quang Sáng, Phó Trưởng phòng Dạy nghề;
50. Đ/c Nguyễn Ngân Hà, Chuyên viên phòng Dạy nghề;
51. Đ/c Giang Thị Trà My, Chuyên viên P. Dạy nghề
52. Đ/c Tăng Quốc Sử, Trưởng phòng Việc làm và ATLĐ;
53. Đ/c Bùi Thị Thoan, Chuyên viên Phòng Việc làm và ATLĐ;
54. Đ/c Đặng Xuân Phúc, Chuyên viên Phòng Việc làm và ATLĐ;
55. Đ/c Phan Thế Thắng, Cán bộ P. Việc làm và ATLĐ;
56. Đ/c Đỗ Thanh Bình, TP Lao động - Tiền lương và BHXH;
57. Đ/c Vũ Thị Thắm, Phó Trưởng phòng Lao động - Tiền lương và BHXH;
58. Đ/c Đặng Thị Minh Phương, Chuyên viên phòng Lao động - Tiền lương và BHXH;
59. Đ/c Trần Thị Lan Anh, Chuyên viên P. Lao động - TL & BHXH;
60. Đ/c Hoàng Thị Len, TP Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và BDG;
61. Đ/c Đỗ Thị Khuyên PTP Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và BDG;
62. Đ/c Nguyễn Thị Minh Châu, CV P. Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và BDG;
63. Đ/c Dương Trọng Nghĩa, CV Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và BDG;
64. Đ/c Nguyễn Thị Hải Hồng, TP Bảo trợ xã hội;
65. Đ/c Hà Thị Thu Hường, PTP Bảo trợ xã hội;
66. Đ/c Lê Thị Thanh Thủy, PTP Bảo trợ xã hội;

67. Đ/c Nguyễn Ngọc Sơn, CB phòng Bảo trợ xã hội;
68. Đ/c Phạm Thị Hậu, Chuyên viên phòng Bảo trợ xã hội;
69. Đ/c Nguyễn Thị Thái, Chuyên viên phòng Bảo trợ xã hội;
70. Đ/c Đào Hà Thành, CV P. Bảo trợ xã hội;
71. Đ/c Nguyễn Công Bôi, Chi cục trưởng CC PCTNXH;
72. Đ/c Lê Chí Hiếu, Phó Chi cục trưởng CC PCTNXH;
73. Đ/c Nguyễn Hồng Văn, Phó Chi cục trưởng CC PCTNXH;
74. Đ/c Trịnh Thị Tuyết Nhung, Trưởng phòng mại dâm, CC PCTXNH;
75. Đ/c Vũ Huy Hoàng, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục PCTNXH;
76. Đ/c Bùi Đức Kha, Phó Trưởng phòng ma túy, Chi cục PCTNXH;
77. Đ/c Nguyễn Công Tùng, Phó trưởng phòng mại dâm, Chi cục PCTNXH;
78. Đ/c Lê Thị Thủy, Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, CC PCTNXH;
79. Đ/c Nguyễn Thị Hoa, Cán bộ Chi cục PCTNXH;
80. Đ/c Đặng Thị Hà Lan, Cán bộ Chi cục PCTNXH;
81. Đ/c Bùi Xuân Thắng, Cán bộ Chi cục PCTNXH;
82. Đ/c Bùi Minh Đức, Cán bộ Chi cục PCTNXH;
83. Đ/c Trần Thị Hà Thu, Cán bộ Chi cục PCTNXH;
84. Đ/c Lê Văn Côn, Giám đốc TT Dịch vụ việc làm;
85. Đ/c Phạm Quang Thành, PGĐ TT Dịch vụ việc làm;
86. Đ/c Lương Thị Hòa, PGĐ TT Dịch vụ việc làm;
87. Đ/c Đinh Thị Phương Lan, Trung tâm Dịch vụ việc làm;
88. Đ/c Đặng Hồng Thái, TT Dịch vụ việc làm;
89. Đ/c Trần Thị Tươi, TT Dịch vụ việc làm;
90. Đ/c Trần Văn Hải, TT Dịch vụ việc làm;
91. Đ/c Đặng Thị Thu, TT Dịch vụ việc làm;
92. Đ/c Nguyễn Thị Mai Thu, TT Dịch vụ việc làm;
93. Đ/c Ngô Chính Hữu, TT Dịch vụ việc làm;
94. Đ/c Phan Thanh Bình, TT Dịch vụ việc làm;
95. Đ/c Nguyễn Thị Bích Nhuận, TT Dịch vụ việc làm;
96. Đ/c Nguyễn Thị Hồng, TT Dịch vụ việc làm;
97. Đ/c Vũ Tiến Đức, TT Dịch vụ việc làm;
98. Đ/c Nguyễn Xuân Giao, TT Dịch vụ việc làm;
99. Đ/c Lê Việt Mạnh, TT Dịch vụ việc làm;

100. Đ/c Nguyễn Duy Tiên, TT Dịch vụ việc làm;
101. Đ/c Vũ Văn Thương, TT Dịch vụ việc làm;
102. Đ/c Lại Ngọc Huỳnh, TT Dịch vụ việc làm;
103. Đ/c Vũ Thị Minh, TT Dịch vụ việc làm
104. Đ/c Tô Đăng Quang, TT Dịch vụ việc làm;
105. Đ/c Nguyễn Thị Thu Thương, TT Dịch vụ việc làm;
106. Đ/c Chu Thị Hằng, TT Dịch vụ việc làm;
107. Đ/c Trần Văn Chương, TT Dịch vụ việc làm;
108. Đ/c Ngô Thị Hồng Vân, TT Dịch vụ việc làm;
109. Đ/c Tạ Ngọc Đông, TT Dịch vụ việc làm
110. Đ/c Vũ Công Hưng, TT Dịch vụ việc làm;
111. Đ/c Vũ Thị Hạnh, TT Dịch vụ việc làm;
112. Đ/c Đỗ Hồng Nhung, TT Dịch vụ việc làm;
113. Đ/c Bùi Thị Lý, TT Dịch vụ việc làm;
114. Đ/c Đặng Thị Bích Hương, TT Dịch vụ việc làm;
115. Đ/c Phạm Thị Phương Thanh, TT Dịch vụ việc làm;
116. Đ/c Phạm Thị Hòa, TT Dịch vụ việc làm;
117. Đ/c Lê Đức Cảnh, TT Dịch vụ việc làm;
118. Đ/c Trần Hồng Giang, TT Dịch vụ việc làm
119. Đ/c Hoàng Lan Phương, TT Dịch vụ việc làm
120. Đ/c Lương Thị Quỳnh, TT Dịch vụ việc làm
121. Đ/c Phan Thị Thu Trang, TT Dịch vụ việc làm
122. Đ/c Vũ Ngọc Thắng, TT Dịch vụ việc làm
123. Đ/c Nguyễn Văn Dương, TT Dịch vụ việc làm
124. Đ/c Hoàng Thị Xuyên, TT Dịch vụ việc làm
125. Đ/c Nguyễn Thị Thu Phương, TT Dịch vụ việc làm
126. Đ/c Tăng Gia Quốc Văn, TT Dịch vụ việc làm
127. Đ/c Nguyễn Thị Chung, TT Dịch vụ việc làm
128. Đ/c Nguyễn Lương Bằng, TT Dịch vụ việc làm
129. Đ/c Nguyễn Đức Thịnh, TT Dịch vụ việc làm
130. Đ/c Trần Mạnh Hà, TT Dịch vụ việc làm
131. Đ/c Đặng Quốc Công, TT Dịch vụ việc làm
132. Đ/c Bùi Công Cường, TT Dịch vụ việc làm
133. Đ/c Bùi Đức Kiệm, TT Dịch vụ việc làm
134. Đ/c Phạm Văn Hiến, TT Dịch vụ việc làm

135. Đ/c Đặng Thị Vui, TT Dịch vụ việc làm
136. Đ/c Nguyễn Thị Bích Hợp, TT Dịch vụ việc làm
137. Đ/c Nguyễn Thị Tuyền, TT Dịch vụ việc làm
138. Đ/c Lương Thanh Tuấn, TT Dịch vụ việc làm
139. Đ/c Nguyễn Thị Hà, TT Dịch vụ việc làm
140. Đ/c Phạm Thị Hải Đường, TT Dịch vụ việc làm
141. Đ/c Nguyễn Thị Thúy, TT Dịch vụ việc làm
142. Đ/c Lương Thị Bích, TT Dịch vụ việc làm
143. Đ/c Nguyễn Duy Hưng, TT Dịch vụ việc làm
144. Đ/c Vũ Tiến Chinh, GD TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC
145. Đ/c Vũ Anh Tuấn, PGD TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC
146. Đ/c Hoàng Văn Vinh, PGD TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
147. Đ/c Vũ Văn Tân, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
148. Đ/c Đặng Thị Thủy, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
149. Đ/c Phạm Hồng Ngọc, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
150. Đ/c Phạm Việt Mạnh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
151. Đ/c Trần Quang Hòa, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
152. Đ/c Nguyễn Thị Thu Hạnh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
153. Đ/c Phạm Bá Chung, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
154. Đ/c Phạm Thị Nguyệt, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
155. Đ/c Nguyễn Thị Dịu, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
156. Đ/c Trần Công Quyền, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
157. Đ/c Bùi Thị Tâm, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
158. Đ/c Nguyễn Thị Ngoan, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
159. Đ/c Hà Thị Huế, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
160. Đ/c Lại Thế Quỳnh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
161. Đ/c Nguyễn Mạnh Trường, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
162. Đ/c Bùi Thị Phúc, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
163. Đ/c Nguyễn Huyền Trang, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
164. Đ/c Bùi Thị Kiều Ly, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
165. Đ/c Trương Thị Ánh Ngọc, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
166. Đ/c Nguyễn Văn Thắng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
167. Đ/c Đỗ Thị Mai, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
168. Đ/c Giang Thị Hương Vân, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
169. Đ/c Phạm Thị Chung, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;

170. Đ/c Phạm Thị Xoan, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
171. Đ/c Nguyễn Thị Lân, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
172. Đ/c Nguyễn Thị Xuân, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
173. Đ/c Trần Thị Ngọc Bé, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
174. Đ/c Trần Văn Hải, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
175. Đ/c Nguyễn Thị Thủy, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
176. Đ/c Đặng Hữu Lý, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
177. Đ/c Phùng Văn Trường, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
178. Đ/c Nguyễn Thị Nhung, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
179. Đ/c Phạm Thị Lệ, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
180. Đ/c Phạm Thế Dương, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
181. Đ/c Nguyễn Thị Hồng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
182. Đ/c Vũ Xuân Đàm, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
183. Đ/c Bùi Ngọc Tùng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
184. Đ/c Nguyễn Văn Thắng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
185. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Bích, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
186. Đ/c Phạm Thị Lệ Chi, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
187. Đ/c Đặng Thị Minh Hồng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
188. Đ/c Đinh Thị Thu Hà, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
189. Đ/c Phạm Thùy Linh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
190. Đ/c Nguyễn Thị Hoài Lan, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
191. Đ/c Nguyễn Thị Hợp, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
192. Đ/c Phạm Thị Thu Thủy, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
193. Đ/c Lê Thị Thu Phương, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
194. Đ/c Nguyễn Thị Linh Nhâm, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
195. Đ/c Lương Mạnh Cường, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
196. Đ/c Phạm Văn Hiến, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
197. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Minh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
198. Đ/c Vũ Ngọc Quang, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
199. Đ/c Nguyễn Văn Dũng, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
200. Đ/c Nguyễn Đức Hoài, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
201. Đ/c Trần Nam Trung, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
202. Đ/c Phạm Thị Bích Diệp, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
203. Đ/c Bùi Hoàng Anh, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
204. Đ/c Phạm Đình Lễ, Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội và BTXH;

205. Đ/c Đặng Văn Trung, Phó Giám đốc TT CTXH và BTXH;
206. Đ/c Trần Minh Hoạt, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
207. Đ/c Nguyễn Thị Huệ, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
208. Đ/c Phạm Thị Sơn, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
209. Đ/c Hà Thị Hòa, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
210. Đ/c Nguyễn Đức Chính, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
211. Đ/c Đỗ Thị Hòa, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
212. Đ/c Vũ Đình Hữu, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
213. Đ/c Lương Thị Nhài, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
214. Đ/c Nguyễn Khánh Minh, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
215. Đ/c Bùi Ngọc Thuyết, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
216. Đ/c Nguyễn Thị Oanh, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
217. Đ/c Phạm Thị Quỳnh, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
218. Đ/c Nguyễn Thị Huyền Trang, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
219. Đ/c Phạm Thị Hồng Nhung, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
220. Đ/c Đỗ Thế Cường, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
221. Đ/c Vũ Tuấn Anh, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
222. Đ/c Bùi Thị Lan, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
223. Đ/c Đỗ Trí Tuấn, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
224. Đ/c Nguyễn Thị Thương, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
225. Đ/c Đỗ Thị Hà, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
226. Đ/c Vũ Thị Thơm, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
227. Đ/c Hà Thị Thùy, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
228. Đ/c Phạm Thanh Tùng, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
229. Đ/c Trần Thị Hường, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
230. Đ/c Đặng Thị Thúy Nương, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
231. Đ/c Nguyễn Thị Yến, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
232. Đ/c Nguyễn Thị Thêu, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
233. Đ/c Nguyễn Thị Anh Thuyết, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
234. Đ/c Bùi Thị Mai Hương, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
235. Đ/c Bùi Thị Khuyên, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
236. Đ/c Phạm Thị Thanh Hoa, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
237. Đ/c Lâm Văn Nhiệm, Cán bộ TT CTXH và BTXH;
238. Đ/c Nguyễn Văn Hóa, Giám đốc TT Chăm sóc và PHCN Người tâm thần;
239. Đ/c Nguyễn Quyết Chiến, Phó GD TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;



240. Đ/c Phạm Văn Hải, Phó GD TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
241. Đ/c Ngô Thái Hùng, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
242. Đ/c Bùi Đình Trường, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
243. Đ/c Vũ Thị Hiền, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
244. Đ/c Nguyễn Thị Tươi, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
245. Đ/c Vũ Ngọc Bản, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
247. Đ/c Trần Xuân Quý, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
248. Đ/c Nguyễn Hồng Hiền, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
249. Đ/c Lê Thị Hồng Liễu, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
250. Đ/c Nguyễn Văn Đạt, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
251. Đ/c Phí Thị Thu Thủy, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
252. Đ/c Quách Thị Hải, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
253. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Nga, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
254. Đ/c Vũ Văn Phòng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
255. Đ/c Đinh Hoàng Anh, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
256. Đ/c Trần Thị Kim Anh, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
257. Đ/c Đặng Thị Hoài Mơ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
258. Đ/c Quách Thị Thu Huyền, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
259. Đ/c Lê Thị Huệ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
260. Đ/c Hà Thị Phương Nga, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
261. Đ/c Bùi Trọng Nghĩa, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
262. Đ/c Phan Thị Hường, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
263. Đ/c Nguyễn Thị Thêu, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
264. Đ/c Bùi Thị Thương, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
265. Đ/c Lương Văn Thành, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
266. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
267. Đ/c Nguyễn Thành Duy, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
268. Đ/c Nguyễn Thị Cúc, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
269. Đ/c Phí Thị Thanh Hương, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
270. Đ/c Phạm Thị Hường, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
271. Đ/c Nguyễn Thị Xuyên, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
272. Đ/c Nguyễn Thị Khánh Thu, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
273. Đ/c Nguyễn Bá Ngọc, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
274. Đ/c Đào Minh Phương, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
275. Đ/c Nguyễn Thị Trang, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;

276. Đ/c Phạm Ngọc Dũng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
277. Đ/c Nhâm Thị Hạ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
278. Đ/c Lê Anh Văn, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
279. Đ/c Vũ Đình Tứ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
280. Đ/c Hà Lệ Hằng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
281. Đ/c Nguyễn Văn Tuân, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
282. Đ/c Trần Văn Khang, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
283. Đ/c Lê Trung Hải, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
284. Đ/c Phạm Đức Chiến, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
285. Đ/c Phạm Thị Nhung, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
286. Đ/c Phùng Thị Hương, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
287. Đ/c Bùi Thị Hương, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
288. Đ/c Bùi Đức Trà, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
289. Đ/c Trần Ngọc Tài, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
290. Đ/c Bùi Văn Huấn, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
291. Đ/c Trần Tiến Dũng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
292. Đ/c Bùi Văn Hắc, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
293. Đ/c Mai Thị Diệu, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
294. Đ/c Đỗ Văn Diên, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
295. Đ/c Nguyễn Văn Tiếp, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
296. Đ/c Bùi Thị Thùy Dung, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
297. Đ/c Đoàn Mạnh Tường, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
298. Đ/c Phan Thanh Thành, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
299. Đ/c Nguyễn Doãn Dũng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
300. Đ/c Phạm Thị Thùy Trâm, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
301. Đ/c Phan Thị Hà, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
302. Đ/c Hoàng Hoa Thám, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh
303. Đ/c Trần Hữu Thế, Phó trưởng phòng Tư vấn, tâm lý trị liệu, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
304. Đ/c Tô Văn Hoài, Phó trưởng phòng Quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
305. Đ/c Bùi Minh Sáng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
306. Đ/c Phạm Thế Kiên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
307. Đ/c Lê Mạnh Tuấn, Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
308. Đ/c Nguyễn Thị Thuận, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;

309. Đ/c Vũ Văn Điềm, Trưởng phòng Quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
310. Đ/c Nguyễn Thế Anh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
311. Đ/c Lê Thị Hồng Thuyết, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
312. Đ/c Phạm Đình Tứ, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
313. Đ/c Nguyễn Xuân Biên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
314. Đ/c Vũ Quyết Thắng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
315. Đ/c Phí Đức Điềm, PGĐ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
316. Đ/c Phạm Văn Toàn, PGĐ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
317. Đ/c Nguyễn Hữu Chính, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
318. Đ/c Trần Hoàng Vương, Phó phòng quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
319. Đ/c Nguyễn Thị Kim Vui, Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
320. Đ/c Hoàng Thị Tài Thu, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
321. Đ/c Đỗ Thị Thắm, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
322. Đ/c Tô Văn Chiến, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
323. Đ/c Nguyễn Mạnh Cường, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
324. Đ/c Nguyễn Văn Biên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
325. Đ/c Tô Mạnh Đạt, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
326. Đ/c Nguyễn Minh Tuấn, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
327. Đ/c Nguyễn Tuấn Anh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
328. Đ/c Phạm Minh Đức, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
329. Đ/c Nguyễn Tiến Phước, Phó phòng Y tế, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
330. Đ/c Phạm Thị Diệp, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
331. Đ/c Phạm Văn Bình, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
332. Đ/c Nguyễn Xuân Toàn, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
333. Đ/c Trần Anh Tuấn, Trưởng phòng Tư vấn, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
334. Đ/c Phạm Thị Hồng Hà, Phó phòng Tổ chức hành chính, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
335. Đ/c Đặng Tiến Dũng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
336. Đ/c Đào Thị Hậu, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
337. Đ/c Lê Thị Chi, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
338. Đ/c Lê Văn Tường, Phó phòng quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;

339. Đ/c Dương Thị Bích Nga, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
340. Đ/c Phạm Thùy Dung, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
341. Đ/c Phạm Ngọc Hà, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
342. Đ/c Hà Huy Luyện, PGĐ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
343. Đ/c Trần Quốc Hoàn, PP TCHC, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
345. Đ/c Đỗ Thanh Tuấn, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
346. Đ/c Vũ Thị Hương Thơ, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
347. Đ/c Vũ Thị Vân Anh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
348. Đ/c Nguyễn Thị Vân Khánh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
349. Đ/c Trần Khắc Thi, Phó phòng Y tế, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
350. Đ/c Phạm Thanh Tùng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
351. Đ/c Hoàng Xuân Điều, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
352. Đ/c Nguyễn Hải Duyên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
353. Đ/c Nguyễn Đăng Khoa, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
354. Đ/c Dương Văn Quyết, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
355. Đ/c Phạm Thị Vân, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
356. Đ/c Phạm Ngọc Tạo, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
357. Đ/c Phan Ngọc Cảnh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
358. Đ/c Vũ Đức Lâm, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
359. Đ/c Vũ Mạnh Hùng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
360. Đ/c Nguyễn Phương Hồng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
361. Đ/c Nguyễn Đức Thuận, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
362. Đ/c Phan Văn Khải, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
363. Đ/c Phan Thu Trà, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
364. Đ/c Nguyễn Thị Hồng Vân, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
365. Đ/c Bùi Thị Duyên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
366. Đ/c Nguyễn Thị Minh Hoàng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
367. Đ/c Lê Văn Phong, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
368. Đ/c Trần Nam Trung, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
369. Đ/c Phạm Tiến Dũng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
370. Đ/c Phan Việt Dũng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
371. Đ/c Trần Quang Tuyên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;

372. Đ/c Đỗ Thị Hạnh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
373. Đ/c Đoàn Mai Lan, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
374. Đ/c Nguyễn Ngọc Bảo, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
375. Đ/c Vũ Văn Đương, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
376. Đ/c Bùi Thị Lan Phương, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
377. Đ/c Đinh Quang Ái, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
378. Đ/c Phí Đức Huân, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
379. Đ/c Nguyễn Thị Hồng Loan, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
380. Đ/c Nguyễn Thị Lan, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
381. Đ/c Nguyễn Quang Viên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
382. Đ/c Đoàn Thanh Tùng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
383. Đ/c Phạm Văn Toàn, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
384. Đ/c Nguyễn Văn Hùng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
385. Đ/c Trần Văn Chính, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
386. Đ/c Phan Việt Thái, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
387. Đ/c Phạm Văn Oai, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
388. Đ/c Đỗ Trung Phong, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
389. Đ/c Hoàng Thanh Khiết, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;  
390. Đ/c Đoàn Ngọc Bình, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh.  
391. Đ/c Đặng Thị Vân Anh, Hiệu trưởng Trường TCN cho NKT;  
392. Đ/c Bùi Thị Dung, Phó Hiệu trưởng Trường TCN cho NKT;  
393. Đ/c Bùi Nam Thắng, Phó Hiệu trưởng Trường TCN cho NKT;  
394. Đ/c Mai Ngọc Du, Trường TCN cho NKT;  
395. Đ/c Bùi Xuân Thiêm, Trường TCN cho NKT;  
396. Đ/c Nguyễn Thị Tân Hương, Trường TCN cho NKT;  
397. Đ/c Nguyễn Thị Hương, Trường TCN cho NKT;  
398. Đ/c Bùi Thị Vân Anh, Trường TCN cho NKT;  
399. Đ/c Đặng Xuân Tuyên, Trường TCN cho NKT;  
400. Đ/c Nguyễn Tiến Dũng, Trường TCN cho NKT;  
401. Đ/c Phạm Thị Hiếu, Trường TCN cho NKT;  
402. Đ/c Lê Thị Thoan, Trường TCN cho NKT;  
403. Đ/c Phạm Văn Giang, Trường TCN cho NKT;  
404. Đ/c Nguyễn Bá Tiến, Trường TCN cho NKT;  
405. Đ/c Ngô Thị Phượng, Trường TCN cho NKT;  
406. Đ/c Bùi Thị Luyện, Trường TCN cho NKT;

407. Đ/c Vũ Thị Lưu, Trường TCN cho NKT;
408. Đ/c Phạm Thị Bình, Trường TCN cho NKT;
409. Đ/c Ngô Thị Thanh Thủy, Trường TCN cho NKT;
410. Đ/c Bùi Công Khoa, Trường TCN cho NKT;
411. Đ/c Phạm Thị Huế, Trường TCN cho NKT;
412. Đ/c Vũ Văn Dụ, Trường TCN cho NKT;
413. Đ/c Đỗ Thùy Chi, Trường TCN cho NKT;
414. Đ/c Hoàng Thị Phương, Trường TCN cho NKT;
415. Đ/c Nguyễn Thị Thu, Trường TCN cho NKT;
416. Đ/c Nguyễn Quang Huy, Trường TCN cho NKT;
417. Đ/c Đỗ Hồng Quân, Trường TCN cho NKT;
418. Đ/c Vũ Thị Thanh Thủy, Trường TCN cho NKT;
419. Đ/c Lương Thị Hạnh, Trường TCN cho NKT;
420. Đ/c Đặng Thị Hưng, Trường TCN cho NKT;
421. Đ/c Bùi Thị Huệ, Trường TCN cho NKT;
422. Đ/c Nguyễn Thị Hải Hương, Trường TCN cho NKT;
423. Đ/c Phạm Thị Bình, Trường TCN cho NKT;
424. Đ/c Nguyễn Thị Lan Hương, Trường TCN cho NKT;
425. Đ/c Vũ Thị Mến, Trường TCN cho NKT;
426. Đ/c Đào Thị Hằng, Trường TCN cho NKT;
427. Đ/c Trần Thị Nguyệt, Trường TCN cho NKT;
428. Đ/c Đức Minh Thiêm, Trường TCN cho NKT;
429. Đ/c Hoàng Ngọc Quỳnh, Trường TCN cho NKT;
430. Đ/c Vũ Xuân Trường, Trường TCN cho NKT;
431. Đ/c Nguyễn Thị Phượng, Trường TCN cho NKT;
432. Đ/c Nguyễn Thị Diệp, Trường TCN cho NKT;
433. Đ/c Nguyễn Thị Hoàn, Trường TCN cho NKT;
434. Đ/c Nguyễn Thành Vinh, Trường TCN cho NKT;
435. Đ/c Nguyễn Thị Thủy, Trường TCN cho NKT;
436. Đ/c Nguyễn Thị Thu Hằng, Trường TCN cho NKT;
437. Đ/c Tô Thị Thủy, Trường TCN cho NKT;
438. Đ/c Vũ Thị Phương Chi, Trường TCN cho NKT;
439. Đ/c Đinh Hữu Toán, Trường TCN cho NKT;
440. Đ/c Nguyễn Văn Dân, Trường TCN cho NKT;
441. Đ/c Trần Vũ Minh, Trường TCN cho NKT;

- 442. Đ/c Quách Văn Quyết, Trường TCN cho NKT;
- 443. Đ/c Tạ Thị Thơ, Trường TCN cho NKT;
- 444. Đ/c Vũ Thị Yên, Trường TCN cho NKT;
- 445. Đ/c Trần Thị Diệu Linh, Trường TCN cho NKT;
- 446. Đ/c Ngô Thị Vân, Trường TCN cho NKT;
- 447. Đ/c Phạm Thị Thu Hằng, Trường TCN cho NKT;
- 448. Đ/c Nguyễn Thị Hiền, Trường TCN cho NKT;
- 449. Đ/c Hòa Thăng Long, Trường TCN cho NKT;
- 450. Đ/c Mai Thị Ngân, Trường TCN cho NKT;
- 451. Đ/c Lương Thị Duyên Anh, Trường TCN cho NKT;
- 452. Đ/c Trần Văn Thắng, Trường TCN cho NKT;
- 453. Đ/c Trần Thị Ngọc Anh, Trường TCN cho NKT;
- 454. Đ/c Nguyễn Thị Thắm, Trường TCN cho NKT;
- 455. Đ/c Nguyễn Thị Lựa, TT Dịch vụ việc làm Thái Bình;
- 456. Đ/c Lê Thị Hạnh, TT Dịch vụ việc làm Thái Bình;
- 457. Đ/c Trần Thị Huệ, TT Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
- 458. Đ/c Nguyễn Thị Thủy, TT Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho NTT;
- 459. Đ/c Phạm Thị Lệ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
- 460. Đ/c Bùi Thị Hồng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
- 461. Đ/c Phạm Văn Tùng, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
- 462. Đ/c Trần Thị Nguyên, Trường TCN cho NKT;
- 463. Đ/c Phạm Tùng Lâm, Trường TCN cho NKT;
- 464. Đ/c Phạm Quang Huy, Trường TCN cho NKT;

## **II. Các cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”**

1. Đ/c Nguyễn Văn Bái, Giám đốc Sở;
2. Đ/c Phạm Quang Hòa, Phó Giám đốc Sở;
3. Đ/c Bùi Văn Huân, Phó Giám đốc Sở;
4. Đ/c Vũ Ngọc Khánh, Phó Chánh Văn phòng Sở;
5. Đ/c Phạm Tấn Đạt, Cán bộ Văn phòng Sở;
6. Đ/c Nguyễn Thị Hân, Chuyên viên P. Kế hoạch - Tài chính
7. Đ/c Trần Hữu Thông, Chánh Thanh tra Sở;
8. Đ/c Vũ Thị Mai, Chuyên viên phòng Người có công;
9. Đ/c Hà Thị Hương, Chuyên viên phòng Người có công;
10. Đ/c Phạm Hồng Giang, Trưởng phòng Dạy nghề;
11. Đ/c Bùi Thị Thoan, Chuyên viên Phòng Việc làm và An toàn lao động;

12. Đ/c Phan Thế Thắng, Cán bộ biệt phái phòng Việc làm và An toàn lao động
13. Đ/c Đỗ Thanh Bình, Trưởng phòng Lao động - Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;
14. Đ/c Hoàng Thị Len, Trưởng phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới;
15. Đ/c Hà Thị Thu Hương, Phó Trưởng phòng Bảo trợ xã hội
16. Đ/c Nguyễn Hồng Văn, Chi cục Phó Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội;
17. Đ/c Lê Văn Côn, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm
18. Đ/c Phạm Quang Thành, Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm
19. Đ/c Lương Thị Hòa, Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm
20. Đ/c Ngô Chính Hữu, Trưởng phòng Thị trường lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm
21. Đ/c Vũ Ngọc Thắng, Quyền Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Dịch vụ việc làm
22. Đ/c Vũ Tiến Chinh, Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
23. Đ/c Hoàng Văn Vinh, Phó Giám đốc Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
24. Đ/c Nguyễn Văn Thắng, Cán bộ Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
25. Đ/c Phạm Thị Nguyệt, Cán bộ Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
26. Đ/c Trần Nam Trung, Phòng Nuôi dưỡng, Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng NCC;
27. Đ/c Nguyễn Thị Linh Nhâm, Phòng Nuôi dưỡng, Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
28. Đ/c Nguyễn Thị Ngoan, Cán bộ Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
29. Đ/c Nguyễn Thị Lân, Cán bộ Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công;
30. Đ/c Trần Thị Ngọc Bé, Cán bộ Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;
31. Đ/c Phạm Đình Lễ, Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội
32. Đ/c Đặng Văn Trung, Phó Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội
33. Đ/c Nguyễn Đức Chính, Cán bộ Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội
34. Đ/c Đỗ Thị Hòa, Trưởng phòng Đào tạo dạy chữ dạy nghề, Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội



35. Đ/c Trần Thị Hương, Cán bộ Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội;
36. Đ/c Hoàng Hoa Thám, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
37. Đ/c Trần Hữu Thế, Phó trưởng phòng Tư vấn, tâm lý trị liệu, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
38. Đ/c Tô Văn Hoài, Phó trưởng phòng Quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
39. Đ/c Bùi Minh Sáng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
40. Đ/c Phạm Thế Kiên, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
41. Đ/c Lê Mạnh Tuấn, Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
42. Đ/c Nguyễn Thị Thuận, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
43. Đ/c Vũ Văn Điềm, Trưởng phòng Quản lý học viên, Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
44. Đ/c Nguyễn Thế Anh, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
45. Đ/c Lê Thị Hồng Thuyết, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
46. Đ/c Phạm Đình Tứ, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
47. Đ/c Nguyễn Xuân Biền, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
48. Đ/c Vũ Quyết Thắng, Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;
49. Đ/c Nguyễn Quyết Chiến, Phó Giám đốc TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
50. Đ/c Phạm Văn Hải, Phó Giám đốc TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
51. Đ/c Ngô Thái Hùng, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
52. Đ/c Bùi Đình Trường, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
53. Đ/c Vũ Thị Hiền, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
54. Đ/c Nguyễn Thị Tươi, Trưởng khoa Bệnh nhân nặng, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
55. Đ/c Nguyễn Thị Thúy, Cán bộ TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
56. Đ/c Vũ Ngọc Bản, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
57. Đ/c Phạm Thị Lệ, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
58. Đ/c Trần Xuân Quý, Phó trưởng khoa Bệnh nhân đặc biệt, TT Chăm sóc và PHCN cho NTT;
59. Đ/c Đỗ Thùy Chi, Phó Trưởng khoa văn hóa THPT, Trường Trung cấp nghề cho NKT;
60. Đ/c Phạm Văn Giang, Trưởng phòng Hành chính - Quản trị, Trường Trung cấp nghề cho NKT;
61. Đ/c Trần Thị Nguyên, Giáo viên Trường Trung cấp nghề cho Người khuyết tật;
62. Đ/c Hoàng Thị Phương, Giáo viên Trường Trung cấp nghề cho NKT;

63. Đ/c Đỗ Hồng Quân, Giáo viên Trường Trung cấp nghề cho NKT;

64. Đ/c Lê Thị Thoan, Phụ trách khoa Cơ khí, Trường Trung cấp nghề cho NKT;

65. Đ/c Vũ Thị Thanh Thủy, Cán bộ phòng Đào tạo -NCKH, Trường Trung cấp nghề cho NKT;

66. Đ/c Nguyễn Bá Tiên, Phó trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, Trường Trung cấp nghề cho NKT;

67. Đ/c Vũ Xuân Trường, Giáo viên Trường Trung cấp nghề cho NKT;

### **III. 15 tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

1. Văn phòng Sở;

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính;

3. Thanh tra Sở;

4. Phòng Dạy nghề;

5. Phòng Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới;

6. Phòng Bảo trợ xã hội;

7. Phòng Lao động - Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

8. Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội;

9. Trung tâm Dịch vụ việc làm;

10. Trường Trung cấp nghề cho Người khuyết tật;

11. Trung tâm Điều dưỡng Người có công;

12. Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công;

13. Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội;

14. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh;

15. Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho Người tâm thần./.